

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RC5+BK10	7:25	8+10+0	0+0+0		9+6+6	0+0+0	
2		RP1+P1+P9	7:25	21+0+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
3		P2+BK6+TD3+RP3	7:25	5+0+1+16	0+0+0+0		2+0+1+19	0+0+0+0	chuyen 1 P2- bk6, 1 P2-TD3
4		TD1+CL+RP1	9:25	3+7+9	0+0+0		0+0+17	0+0+0	
5		P4+RP3	9:25	2+20	0+0		1+21	0+0	
6		RCDM+PVD2+CTK3	11:25	6+5+5	0+0+0		6+5+10	0+0+0	
7		RC6+RC5	11:25	21+0	0+0		18+3	0+0	

TTDBSX

**Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/đi về trong ngày RC5-3ng**

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2021	TO: RC4 - RC5 - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Linh - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

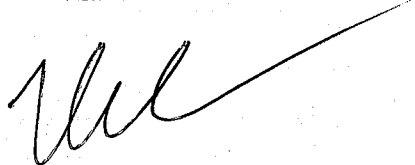
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	53	1	5	50	62	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4	99,500	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH DUNG	RC4	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ VŨ	RC4	48	1	5	12	70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RC4	52	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẦN THANH CÔNG	RC4	98	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	CÔNG ĐỨC TÂM	RC4	51	1	5		70	NIPI	Vietnamese
8	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	47	1	3		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC5				30	75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KHOA TRƯỜNG	RC5	65	1	4		76	NIPI	Vietnamese
11	CHULKOV	RC5	67	1	3		80	NIPI	Russian
12	GUSEINOV	RC5	61	1	5		88	KH-THAC	Russian
13	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC5	62	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI QUỐC VIỆT	RC5	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CÔNG AN	RC5	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO QUỐC HUY	RC5	63-64	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN TRUNG	RC5	59	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HUAN	RC5	66	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

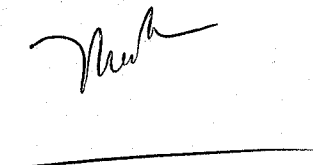
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	8	9	57	550	62	9		
2	RC5	10	10	55	764	30	6		
3	BK10	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		18	19	112	1.314	112	21		
WEIGHT KG				112	1.314	112			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

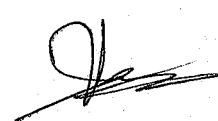
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP1 - P1 - P9	CREW: Hạnh - Mạnh - Toàn	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV	RP1	75	1	8		90	KH-THAC	Russian
2	PHẠM ĐẠI PHONG	RP1	88-89	2	9		70	YTE	Vietnamese
3	KOROQLUEV RAMIL	RP1	76	1	5		72	KH-THAC	Russian
4	NIKITIN DMITRIY	RP1	77	1	7	40	90	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	84	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	73	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	90	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	78	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH HIẾU	RP1	85	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀO QUANG NGÂN	RP1	69-70	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	81	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM SINH	RP1	72	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	79-80	2	13		88	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ĐÌNH BA	RP1	71	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUY	RP1	67	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG THE ANH	RP1	66	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HÙNG CUÔNG	RP1	82-83	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ QUÝ	RP1	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	68	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	21	23	132	1.557	40	17		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	P9	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		21	23	132	1.557	80	22		
WEIGHT KG				132	1.557	80			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P2 - BK6 - TD3 - RP3	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 09:40
Vang - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DE VILLA MICHAEL IAN FABULA	P2	29	1	6	22	81	KHANH LI	Filipino
2	BUI KHUONG HIEU	P2	31-32	2	13		75	KHANH LI	Vietnamese
3	THAI MINH TAN	P2	36-37	2	15	60	85	KHANH LI	Vietnamese
4	TRAN VAN BANG	P2	33-35	3	22		55	KHANH LI	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN TRUONG	P2	51	1	6		65	PSV	Vietnamese
6	VALEEV I.D.	RP3	65	1	7		80	KH-THAC	Russian
7	TRAN VAN SON	RP3	400	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ANH SON	RP3	58	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	61	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VO TAN CHAU	RP3	56	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM QUANG TRUNG	RP3	64	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN HOA	RP3	55	1	6	40	74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN HOANG	RP3	59-60	2	10		87	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM MINH TOAN	RP3	50-51	2	13		56	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUONG	RP3	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG VU	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN HIEN	RP3	62-63	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIEN	RP3	57	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG QUANG THUONG	RP3	53	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG XUAN HUNG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
21	VU QUANG HUNG	RP3	52	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

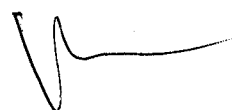
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	9	62	361	82	2	2	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	40	0		
3	TD3	0	0	0	0	0	1		
4	RP3	16	17	94	1.134	40	19		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG TD3
TOTAL		21	26	156	1.495	162	22		
WEIGHT KG				156	1.495	162			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2021	TO: TD1 - CLI - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HƯNG - Linh - N.Nam	ETA: 11:10
XANH-2			

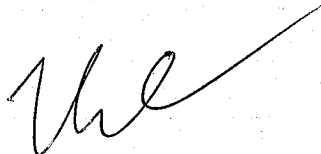
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THẾ HÙNG	TD1	56	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
2	QUÁCH THẾ ANH	TD1	58	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD1	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	CLI	19-20	2	18	10	85	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	CLI	219	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
6	LƯU VĂN DÂN	CLI	15	1	11		60	CODIEN	Vietnamese
7	HÀ MẠNH HOÀNG	CLI	18	1	8	15	70	CODIEN	Vietnamese
8	MAI ĐÌNH KHANG	CLI	16-17	2	12		45	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN HIỆP THANH	CLI	14	1	6		85	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CLI	26	1	15	12	72	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CỤC	RP1	40	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ BA TUÂN	RP1	41-42	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	97	1	5		85	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN HIẾN	RP1	39	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP1	96	1	6		52	PSV	Vietnamese
16	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	43	1	8	10	70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU NHAN	RP1	45	1	6		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	98	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH TUÂN	RP1	44	1	5		63	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	3	25	190	0	0		
2	CLI	7	9	82	482	37	0		
3	RP1	9	10	62	630	10	17		
TOTAL		19	22	169	1.302	47	17		
WEIGHT KG				169	1.302	47			

GRAND TOAL: 1.518 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: P4 - RP3	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VIỆT LONG	P4	63	1	12	70	60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P4	93	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	73	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					52	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	85-86	2	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3					85	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KHIÊM HIẾU	RP3	89	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	RP3	90	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ANH	RP3	88	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	87	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THANH LONG	RP3	76-77	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH THÀNH	RP3	83-84	2	17	40	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	78	1	2		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	72	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	75	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN THANH HAI	RP3	74	1	2		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	80	1	2		50	PSV	Vietnamese
19	MAI VĂN HÙNG	RP3	79	1	5		52	PSV	Vietnamese
20	LÊ THANH HAI	RP3	82	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THẾ THUẬN	RP3	71	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	22	125	70	1		
2	RP3	19	20	92	1.259	40	21		
TOTAL		21	22	114	1.384	110	22		
WEIGHT KG				114	1.384	110			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	TO: RCDM - PVD2 - CTK3	CREW: HUNG - NPhú - NNam	ETA: 13:10
trang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	13-14	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU TIEN BINH	RCDM	10	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TI	RCDM				30	65	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH VAN CONG	RCDM	12	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC HONG	RCDM	11	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
6	HO TRONG BANG	RCDM	09	1	7		75	PSV	Vietnamese
7	HOANG MINH DUNG	PVD2	80-81	2	17		80	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MANH	PVD2	92	1	12		60	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN HAI DANG	PVD2	82	1	17		85	DVL	Vietnamese
10	DOAN MINH HUONG	PVD2	83	1	10	90	70	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN DUC PHUNG	PVD2	90-91	2	17		65	DVL	Vietnamese
12	LE BA HOA	CTK3	68	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO KINH THAO	CTK3	65-66	2	17		70	T-TIN	Vietnamese
14	DINH MANH DUC	CTK3					65	SANBAY	Vietnamese
15	HOANG THAI LONG	CTK3	67	1	3	15	65	PSV	Vietnamese
16	TRUONG VAN TOAN	CTK3	64	1	8		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	6	6	43	426	30	6		
2	PVD2	5	7	73	360	90	5		
3	CTK3	5	5	45	335	15	10		
TOTAL		16	18	161	1.121	135	21		
WEIGHT KG				161	1.121	135			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 07	TO: RC6 - RC5	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THI	RC6	39	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TUÂN	RC6	33	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	36-37	2	13	60	80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	32	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	30	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RC6	44-45	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG GIANG	RC6	91,28	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KỶ	RC6	53	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC HÀ	RC6	42	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUÂN	RC6	54	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	RC6	47	1	10		104	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HAI THĂNG	RC6	46	1	14		70	DVL	Vietnamese
13	DƯƠNG THẾ ĐỨC	RC6	38	1	12		77	DVL	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HUƠNG	RC6	31	1	11		100	DVL	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN YẾN	RC6	35	1	8		61	DVL	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG CHIẾN	RC6	43	1	14		78	DVL	Vietnamese
17	VŨ MẠNH NAM	RC6	29	1	10		82	DVL	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN GIANG	RC6	34	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH BÌNH	RC6	41	1	10		70	SCHLUMB	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH MINH	RC6	52	1	8		63	SCHLUMB	Vietnamese
21	LÊ VĂN NGHĨA	RC6	40	1	6		78	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	21	24	215	1.620	60	18		
2	RC5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	24	215	1.620	60	21		
WEIGHT KG				215	1.620	60			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+MRM+RCDM	7:25	9+3+6	0+0+0		9+7+6	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK5 - MRM - RCDM	CREW: Hôi - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 09:20
xanh-1			

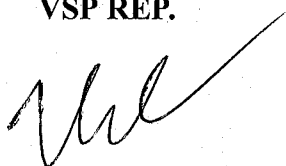
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TUÔI	BK5	50-51	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI HÙNG	BK5	47	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ XUÂN TÌNH	BK5	54-55	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HUY	BK5	52-53	2	12		53	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC THẢO	BK5	42-43	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN BAY	BK5	48-49	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	BK5	46	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LỘC	BK5	44-45	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK5	40-41	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	MRM	68-69	2	17	60	85	HALLIBURTON	Vietnamese
11	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	70	1	7		80	AMNGR	Russian
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	63-64	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU TIẾN BÌNH	RCDM	66	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TỊ	RCDM					67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	62	1	5	25	80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RCDM	65	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	61	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	16	148	582	0	9		
2	MRM	2	3	24	165	60	7		
3	RCDM	6	6	42	438	25	6		
TOTAL		17	25	214	1.185	85	22		
WEIGHT KG				214	1.185	85			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

